

HÌNH PHẠT TƯỚC MỘT SỐ QUYỀN CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1. Vài nét về sự tiến triển của hình phạt

Sự hình thành và phát triển của chế định hình phạt bổ sung (HPBS) trong luật hình sự (LHS) Việt Nam được pháp điển hóa hình phạt tước một số quyền công dân được Nhà nước nghi nhận áp dụng trong thực tiễn từ thời kỳ phong kiến.

Trong thời kỳ thực dân phong kiến, hình phạt tước một số quyền công dân được gọi là truất quyền công dân, quy định tại Điều 34 BLHS (code pénal condifié) nội dung của hình phạt ghi nhận truất quyền không cho tội nhân được giữ những chức vụ trong các công sở, truất quyền công dân, quyền chính trị, truất quyền làm chứng, làm giám định viên, làm thủ bộ hay thành viên hội đồng gia tộc, truất quyền hành nghề giáo sư, quyền mang huy chương, quyền phục vụ trong quân đội.

Từ năm 1945- 1986 trong các văn bản nguồn của pháp luật hình sự quy định hình phạt tước một số quyền công dân là hình phạt phụ, được gọi các tên khác nhau “tước một số quyền công dân”, “mất quyền công dân”, “tước những quyền lợi của công dân” để áp dụng đối với công dân Việt Nam phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia (ANQG) hoặc một số tội phạm khác.

Sau cách mạng tháng tám thành công nhà nước ta vẫn dùng các văn bản nguồn và sắc lệnh của chế độ cũ, cho đến năm 1950 do tình hình mới nhu cầu xã hội thay đổi, Nhà nước Dân chủ nhân dân ra Sắc lệnh quy định hình phạt tước một số quyền công dân. Sắc lệnh số 106/SL ngày 5/6/1950 được thể hiện rõ tại Điều 2 của Sắc lệnh quy định những người không tuân hay chậm trễ tuân lệnh nhập ngũ, những người tự hủy hoại thân thể hoặc dùng những mưu kế gian dối để được hoãn nhập ngũ sẽ bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm và có thể bị tước tất cả quyền công dân.

Để củng cố chính quyền xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân đấu tranh với bon phản động dành độc lập dân tộc. Dựa vào những kinh nghiệm đấu tranh với bè lũ Việt gian bán nước của các cơ quan chuyên chính, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký ban hành Sắc lệnh số 133 ngày 20/01/1953 gồm 21 điều quy định rõ trừng trị các loại Việt gian, phản động và xét xử nhưng âm mưu hành động

phản quốc thì ngoài hình phạt chính (HPC) như tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình. Trong đó, Điều 15 quy định kẻ nào phạm một trong những tội phản cách mạng được quy định trong Sắc lệnh này, hình, sẽ bị mất quyền công dân và sẽ bị tịch thu một phần hay tất cả tài sản. Nếu kẻ phạm tội đã chết mà chưa bị kết án, thì vẫn có thể bị tịch thu một phần hay tất cả tài sản.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân phong kiến đã thay đổi vận mệnh của đất nước, trước tình hình đó Hồ Chủ tịch đã ký ban hành các sắc lệnh: Sắc lệnh số 149-SL về chính sách ruộng đất, gồm 2 chương 40 điều trong đó nghi rõ hình phạt tước một số quyền công dân. Nhằm bảo đảm thi hành chính sách ruộng đất, Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 150/SL gồm 14 điều quy định nhiệm vụ, mục đích, thành phần, tổ chức, quyền hạn của Tòa án Nhân Dân. Tiếp theo là sắc lệnh số 151/SL về việc trừng trị những địa chủ chống pháp luật, gồm 14 điều quy định những hành động chống lại pháp luật, hình thức, mức độ xử phạt với hành động đó. Nghị định số 264-TTg ngày 1/5/1953 của Thủ Tướng Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành các Sắc lệnh số 149-SL, 150-SL và 151-SL ngày 12/4/1953. Điều 5 của Nghị định nêu rõ những hành động phạm pháp của địa chủ, việt gian, cường hào gian ác chống đối pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng tham gia cải cách ruộng đất nếu bị kết án phạt tù hoặc quản chế thì trong thời gian đó cũng bị mất quyền công dân, nếu bị phạt tù từ 10 năm trở lên thì bị mất quyền công dân suốt đời, nếu bị phạt tù dưới 10 năm thì sau khi mãn hạn tù sẽ mất quyền công dân trong thời gian bằng thời gian bị tù.

Hình Phạt tước một số quyền công dân được nghi rõ trong Sắc lệnh số 175 ngày 18/06/1953 về mục đích, hình phạt quản chế. Trong điều 6 ghi người bị quản chế phải chịu một số kỷ luật quản chế nhất định và cũng bị mất quyền công dân trong thời gian quản chế.

Ví sự nghiệp xây dựng kinh tế văn hóa của đất nước, Chính phủ ra Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/06/1956 trong điều 1 ghi rõ. Để góp phần bảo vệ xây dựng kinh tế, văn hóa nay ban hành Sắc lệnh nhằm trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế, văn hóa. Sắc lệnh có 17

điều, trong điều 9 quy định “Kẻ nào phạm những tội ở Điều 7 và Điều 8 thì, ngoài những hình phạt kể trên, còn phải bồi thường thiệt hại có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản và có thể bị tước một số quyền công dân”.

Để tăng cường giữ gìn trật tự và bảo vệ nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 về việc cải tạo giáo dục các phần tử phản cách mạng ngoan cố, lưu manh chuyên nghiệp gây nguy hại cho xã hội và có quy định những người được giáo dục cải tạo không bị coi như phạm nhân có án phạt tù, nhưng trong thời gian cải tạo không được hưởng quyền công dân, tức là bị tước một số quyền công dân.

Nghiên cứu các văn bản sắc lệnh, nghị định ở trên được Nhà nước ban hành không quy định đồng nhất về nội dung, thời hạn của hình phạt tước một số quyền công dân, trong khi xét xử thực tế các Tòa án áp dụng cũng khác nhau về hình phạt này. Có Tòa án tuyên án phạt thì quên không tuyên án tước một số quyền công dân. Tòa án không tuyên phạt tước một số quyền công dân đối với người phạm tội phản cách mạng với ý nghĩ là đương nhiên họ phải chịu hình phạt này. Chính sự không thống nhất đó đã làm khó cho Tòa án. Ngày 15/12/1966 Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) ban hành thông tư số 08- NCPL về việc tước một số quyền công dân hướng dẫn là người bị áp dụng hình phạt này bị tước các quyền như: quyền bầu cử, quyền ứng cử; quyền được tuyển dụng vào xí nghiệp, cơ quan nhà nước, vào một số tổ chức dân lập (như giáo viên dân lập, y tá dân lập); quyền đảm nhiệm cương vị lãnh đạo trong các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng hoặc đơn vị sản xuất; quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Thông tư này đã quy định thống nhất thời hạn bị tước một số quyền công dân là từ 1 đến 5 năm.

Để tăng cường sức mạnh toàn dân đoàn kết và bảo đảm thắng lợi của cách mạng thống nhất đất nước. Ủy Ban thường vụ Quốc Hội đã ban hành Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967 trong pháp lệnh có 03 mục và 22 điều, lần đầu tiên đã quy định rõ ràng nội dung phạm vi áp dụng, thời hạn của hình phạt tước một số quyền trong dân đối với người phạm tội phản cách mạng là hình phạt phụ. Điều 18 nêu rõ Kẻ nào phạm những tội phản cách mạng nêu ở Mục II, ngoài hình phạt đã ghi trong điều luật, còn bị xử phạt như sau:

1. Những kẻ phạm một trong các tội nêu từ Điều 3 đến Điều 16 thì bị tước từ 2 năm đến 5 năm những quyền lợi của công dân dưới đây:

a) Quyền bầu cử và ứng cử;

b) Quyền làm việc trong biên chế nhà nước và trong các tổ chức của lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội.

2. Những kẻ phạm một trong các tội nêu từ Điều 3 đến Điều 16 thì có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

3. Những kẻ phạm một trong các tội nêu ở Mục II thì có thể bị phạt quản chế, hoặc cư trú bắt buộc, hoặc cấm cư trú ở một số địa phương từ một năm đến năm năm.

Báo cáo Hội nghị Tổng kết công tác toàn ngành Tòa án năm 1967 của TANDTC về việc thực thi Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng đã hướng dẫn tước một số quyền công dân được thể hiện rõ trong 22 điều của Pháp Lệnh. Những quyền lợi cơ bản nhất cần tước từ 2 năm đến 5 năm để phòng ngừa những hoạt động phạm pháp mới của những tên đã bị xét xử về tội phản cách mạng. Trong báo cáo tổng kết công tác năm 1973 của TANDTC đã nhấn mạnh hình phạt tước một số quyền công dân có tính chất bắt buộc áp dụng đối với các tội phản cách mạng.

TTBD ĐBDC

Tăng cường giáo dục răn đe những kẻ phản cách mạng, năm 1975 TANDTC ra Thông tư số 84/NCPL ngày 15/2/1975 về việc tước quyền bầu cử, hướng dẫn tất cả những kẻ phạm các tội phản cách mạng và cũng chỉ những kẻ phạm các tội đó, dù các tội nêu ở các điều từ 3 đến 16 quy định trong Pháp lệnh ngày 31/10/1967 hoặc các từ tương tự, không kể bị phạt tù giam hoặc tù án treo, đều phải chịu thêm hình phạt phụ tước một số quyền lợi của công dân (trong đó có quyền bầu cử, ứng cử) từ 2 năm đến 5 năm mà Tòa án phải tuyên rõ trong bản án. Thời gian tước quyền bắt đầu tính từ sau khi mãn hạn tù hoặc từ sau khi được giảm án tha tù trước hạn. Đối với án treo thì thời gian bị tước ngang với thời gian thử thách

Cách mạng tháng tám thành công thông nhất đất nước Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Sắc luật số 03 SL/75, ngày 15/3/1976, quy định các tội phạm và hình phạt. Sắc luật này trừng trị các tội phạm cách mạng, các tội xâm phạm tài sản công cộng, các tội xâm phạm thân thể, nhân phẩm, sức khỏe, tài sản riêng của công dân, các tội kinh tế (đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường, làm hàng giả...), các tội chức vụ, hối lộ các tội xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Điều 11 của Sắc luật quy định: “Phạm tội phản cách mạng thì ngoài những hình phạt được quy định ở Điều 3 trên còn bị tước quyền bầu cử, ứng cử từ 2 năm đến 5 năm...”.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử các thời kỳ khác nhau. Nhà nước ta chưa có điều kiện pháp điển hóa luật hình sự để quy định toàn diện và thống nhất những vấn đề về tội phạm hình phạt cũng như các vấn đề khác có liên quan tới TNHS. Tất cả những văn bản (sắc luật, sắc lệnh, pháp lệnh, thậm chí cả văn bản của Chính phủ như nghị định, thông tư đều mang tính chất đơn hành và không đồng nhất. Do quy định một vấn đề riêng biệt nôm nhiều trường hợp, có những quy định về tội phạm và hình phạt trong đó, có hình phạt tước một số quyền công dân lại chưa được thể hiện trong các văn bản quy phạm hành chính. Trước thực trạng thiếu đồng bộ không thống nhất, có nhiều chỗ hổng cho nên phải cần đến chính sách chỉ thị của Đảng lấy kinh nghiệm xét xử của Tòa án (án lệ) để lấp những lỗ hổng của pháp luật. Chính sự thiếu đồng bộ không thống nhất trên các nhà làm luật đã pháp điển hóa cho ban hành BLHS năm 1985, đã khắc phục những nhược điểm trên .

Trong BLHS năm 1985 quy định hình phạt tước một số quyền công dân. Điều 31 quy định : Công dân Việt Nam phạm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG hoặc phạm các tội khác trong những trường hợp Bộ luật này quy định, thì bị tước hoặc có thể bị tước một số quyền công dân dưới đây:

- Quyền bầu cử đại biểu các cơ quan quyền lực Nhà nước;
- Quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân;
- Quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội.

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Tổng hợp các quy định chung về hình phạt tước một số quyền công dân được khái quát trên đây, các nhà làm đã quy định mang tính chất bắt buộc áp dụng hình phạt này đối với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG và quy định tùy nghi áp dụng với tội xâm phạm ANQG trong BLHS

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nâng cao đời sống nhân dân, mở cửa nhập quốc tế đặt ra nhiệm vụ xem xét sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985- Bộ luật thống nhất, duy nhất xác định các tội cụ thể. Có thể nói BLHS năm 1985 là sự đúc kết trong 40 năm hoạt động lập pháp của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng, là bản tổng kết trong công tác phòng chống tội phạm, góp phần phục vụ công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc trong điều kiện đổi mới, tiền đề cho thể chế hóa chính sách hình sự và ban hành BLHS năm 1999 đã đáp ứng được thời kỳ mới.

Việc Quốc hội chính thức thông qua BLHS năm 1999 là thành quả của cả một hệ thống các văn bản (sắc luật, sắc lệnh, pháp lệnh, thậm chí cả văn bản của Chính phủ như nghị định, thông tư, các chế định đã qua thực tế trong giao đoạn năm 1982- 1986, bên cạnh đó có sự bổ sung, sửa đổi nâng cao và phát triển, để bắt kịp thời đại mới.

BLHS năm 1999 quy định rõ hình phạt tước một số quyền công dân trong Điều 39 quy định: “Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một số quyền công dân sau:

- a) Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;
- b) Quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân”.

Thời hạn tước một số quyền công dân từ 1 năm đến 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

Qua đó chúng ta thấy những quy định về hình phạt tước một số quyền công dân trong BLHS năm 1999 có nhiều điểm mới và quan trọng so với BLHS năm 1985 như sau:

về kỹ thuật lập pháp nhà làm luật đã xây dựng điều luật chặt chẽ hơn, cụ thể Điều 31 BLHS năm 1985 quy định: "...thì bị tước... một số quyền công dân dưới đây...". Như vậy, theo lời văn trên rõ ràng là khi áp dụng hình phạt này với người phạm tội thì trong mọi trường hợp, Tòa án buộc phải quyết định tước của người bị kết án chí ít là 2 quyền công dân trở lên. Quy định như vậy là không chính xác, vì trong thực tiễn xét xử tùy vào từng trường hợp cụ thể Tòa án có thể tước một hoặc nhiều quyền công dân của người bị kết án. Chính vì lẽ đó Điều 39 BLHS 1999 sửa đổi lại là: "...thì bị tước một hoặc một số quyền công dân".

Điều đó được thể hiện qua sự nhìn nhận đánh giá tội danh của các nhà làm luật xây dựng điều luật chặt chẽ hơn, Ví dụ Điều 31 BLHS năm 1985 quy định: "Công dân Việt Nam phạm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG hoặc phạm các tội khác trong những trường hợp Bộ luật này quy định, thì bị tước hoặc có thể bị tước một số quyền công dân dưới đây...". Nhưng khi áp dụng hình phạt này với người phạm tội trong các trường hợp, Tòa án đương nhiên tước của người bị kết án ít nhất là 2 quyền công dân trở lên. Quy định như vậy là không chính xác, trong khi xét xử tùy vào từng trường hợp cụ thể Tòa án có thể tước một hoặc nhiều quyền công dân của người bị kết án. Chính vì thế trong Điều 39 BLHS 1999 sửa đổi lại như sau: Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một số quyền công dân sau:..."

Trong khoản 1 điểm a Điều 39 BLHS năm 1999 quy định Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước" loại bỏ nội dung "quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội" đối với hình phạt tước một số quyền công dân.

Trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung, loại bỏ nội dung " quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội", tước bỏ quyền chính trị này không có ý nghĩa phòng

ngừa tội phạm; vì, tổ chức xã hội có thể là một tổ chức có quy mô rộng lớn, chặt chẽ những có thể là một tổ chức mang tính chất nhỏ hẹp. Trong sinh hoạt của cá nhân trong các tổ chức này có ý nghĩa giáo dục cải tạo sâu sắc và còn tăng khả năng tự giáo dục cải tạo của người bị kết án sau khi mãn hạn tù, tạo điều kiện xã hội cho việc tái hòa nhập Cộng đồng .

Qua phân tích sự khác biệt về câu chữ cũng như ý nghĩa của sự khác biệt giữa Điều 31 BLHS năm 1985 hình phạt tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, nhưng nay theo Điều 39 BLHS năm 1999 đã thu hẹp đối tượng bị áp dụng hình phạt tước một số quyền công dân."Thời hạn tước một số quyền công dân là từ một năm đến năm năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo".

2. Vai trò, nội dung, điều kiện của hình phạt tước một số quyền công dân

2.1. Khi nói đến LHS dù đề cập đến nội dung cụ thể nào thì tất cả đều nhằm đến vấn đề tội phạm và hình phạt. Tước một số quyền công dân là hình phạt bổ sung (HPBS) được Tòa án áp dụng đối với người mang quốc tịch Việt Nam bị kết án phạt tù có thời hạn về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do BLHS quy định" tước bỏ một hoặc một số quyền công dân của người bị kết án trong thời hạn từ 01 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo."

Như chúng ta đã biết Tước một số quyền công dân là hình phạt tính chất chính trị, không cho người bị kết án hưởng một số quyền chính trị của công dân trong thời hạn nhất định để phòng ngừa sự lợi dụng các quyền đó để gây thiệt hại cho xã hội và Nhà nước.

Trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 1992 ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội như: Quyền bầu cử, ứng cử vào cơ quan quyền lực Nhà nước, quyền tham gia

quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quyền tự do kinh doanh, tự do lao động, tự do ngôn luận, tự do lập hội, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, quyền tự do khiếu nại, tố cáo... Quyền công dân là cơ sở để xác định địa vị pháp lý của công dân, là cơ sở cho mọi quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân. Quyền công dân là những quyền mà Nhà nước trao cho cá nhân mang quốc tịch nước đó. Hình phạt tước một số quyền công dân là hình phạt tính chất chính trị chỉ tước bỏ một hoặc một số quyền về chính trị cơ bản của người phạm tội trong thời hạn nhất định.

Mỗi giai đoạn lịch sử và sự phát triển của hình phạt tước một số quyền công dân cho ta thấy nội dung của nó có những thay đổi nhất định.

Trong Thông tư số 8-NCPL ngày 15/12/1966 của TANDTC đã nêu án, thì người bị áp dụng hình phạt tước một số quyền công dân bị tước các quyền như: quyền bầu cử và quyền ứng cử; quyền được tuyển dụng vào xí nghiệp cơ quan Nhà nước, vào một số tổ chức dân lập (như giáo viên dân lập, y tá dân lập); quyền đảm nhiệm cương vị lãnh đạo trong các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng hoặc đơn vị sản xuất; quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Sự ra đời của BLHS năm 1985 hình phạt tước một số quyền công dân đã thu hẹp phạm vi các quyền công dân bị tước, người bị kết án tử hình phạt này chỉ bị tước quyền bầu cử đại biểu vào cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và phục vụ trong lực lượng vũ trang, quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội được ghi trong Điều 31 của Bộ luật này. BLHS năm 1999 đã đổi mới để theo kịp sự phát triển của xã hội thì các quyền công dân bị tước theo quy định tại Điều 39 chỉ còn là các quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu vào cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2.2. Nội dung của hình phạt tước một số quyền công dân được thể hiện như sau:

- Hình phạt tước một số quyền công dân là việc Tòa án tước quyền người bị kết án quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước. Theo quy định tại Điều 83 và Điều 119 Hiến pháp 1992, thì cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Người bị tước quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước tức là họ không được làm việc trong các cơ quan Nhà nước ở dưới bất kỳ hình thức nào (cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng...). Họ không được trở thành cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước nào từ trung ương đến địa phương, bao gồm cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ quan hành pháp, khi bị đã bị Tòa án kết án.

Không chỉ bị tước quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước mà người bị kết án còn bị Tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân. Tòa án cấm người bị kết án làm việc trong các đơn vị Quốc phòng và lực lượng Công an nhân dân

2.3. Trên cơ sở các quy định tại Điều 39 BLHS, có thể rút ra những điều kiện áp dụng hình phạt này như sau:

Tước một số quyền công dân là hình phạt bổ sung chỉ được áp dụng với công dân Việt Nam người đủ 18 tuổi trở lên, không được áp dụng cũng không được áp dụng đối với người chưa thành niên và đối với người nước ngoài, người không có quốc tịch.

BLHS năm 1999 quy định hình phạt tước một số quyền công dân chỉ được áp dụng đối với công dân Việt Nam bị kết án phạt tù có thời hạn về một trong những tội xâm phạm ANQG (từ Điều 78 đến Điều 91) hoặc một số tội khác trong những trường hợp điều luật về tội phạm quy định.

Điều 92 BLHS quy định "Người phạm tội quy định tại Chương này còn có thể bị tước một số quyền công dân từ một năm đến năm năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ một năm đến năm năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". hình phạt tước một số quyền công dân được tùy nghi áp dụng đối với các tội xâm phạm ANQG, khi quyết định hình phạt. TAND cần phải căn nhắc kỹ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu của phòng ngừa tái phạm. Hình phạt này chỉ áp dụng đối với người bị kết án nếu người đó sử dụng các quyền chính trị của mình đã quy định tại Điều 39 BLHS .

Theo quy định pháp chế về hình phạt “Nulla poena sine lege”, thì tất cả các trường hợp bị tuyên phạt về loại hình phạt chính nào, mức án là bao nhiêu về một trong các tội phạm được quy định trong những chương khác ở Phần các tội phạm BLHS đều không được áp dụng kèm theo hình phạt tước một số quyền công dân với tính chất là một loại HPBS. Ngoài các tội xâm phạm ANQG, Điều 39 BLHS năm 1999 quy định hình phạt này còn được áp dụng đối với các tội phạm khác, được hiểu là các tội hình sự thường, nhưng khi tìm hiểu Phần các tội phạm của BLHS thì không có trường hợp phạm tội nào khác bị quy định áp dụng hoặc có thể bị áp dụng hình phạt này.

Như vậy, ngoài các tội xâm phạm ANQG, những người bị kết án phạt tù có thời hạn về các tội phạm khác mà bị Tòa án phạt quản chế kèm theo thì đương nhiên bị tước một số quyền công dân được quy định tại Điều 39 trong thời gian quản chế. Bị tước một số quyền công dân này, như TANDTC đã khẳng định, “là một trong những nội dung quan trọng của quản chế”⁴ chứ không phải với tư cách là một HPBS. Tìm hiểu nội dung hình phạt quản chế tại Điều 38 BLHS có quy định: “...Trong thời gian quản chế người bị kết án không được rời khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân theo Điều 39 của Bộ luật này và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

4. Tình hình áp dụng hình phạt tịch thu tài sản của Tòa án nhân dân ở một số địa phương

- Tổng kế từ năm 1995 đến năm 2004 ở TAND thành phố Hải Phòng cho biết tình hình áp dụng HPBS nói chung và hình phạt tịch thu tài sản nói riêng : Tòa án này đã thụ lý 5318 vụ án, với tổng số bị cáo là 8713. Số vụ án có áp dụng HPBS là 1095 vụ chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20,6%, tổng số bị cáo bị áp dụng HPBS là 1360 bị cáo chiếm tỷ lệ xấp xỉ 15,6% tổng số bị cáo bị Tòa án xét xử. Trong đó, loại hình phạt được áp dụng nhiều nhất là phạt tiền với 870 lượt và quản chế với 584 lượt. Có 05 loại HPBS được áp dụng là quản chế, phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; tước một số quyền công dân, trục xuất.

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh trong 5 năm (từ năm 2000 đến năm 2004) đã xét xử 569 vụ với 831 bị cáo. Có 221 lượt HPBS các loại được áp dụng, đạt tỷ lệ 26,6%.

Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 4 HPBS được áp dụng, trong đó phổ biến vẫn là phạt tiền và quản chế, còn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và tịch thu tài sản được áp dụng rất ít, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 136 lượt, quản chế 73 lượt, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 07 lượt và tịch thu tài sản 05 lượt. HPBS tập trung chủ yếu vào các tội phạm về ma túy, mại dâm, tham ô tài sản. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 2003 (11 lượt với 165 bị cáo, đạt 6,7%) và năm áp dụng HPBS nhiều nhất là năm 2000 (101 làm với 184 bị cáo, đạt 54,9%).

- Theo thống kê của TAND tỉnh Đắk Lắk từ năm 1995 đến 9 tháng đầu năm 2004 đã thụ lý 3463 vụ án, với tổng số bị cáo là 5276. Số bị cáo bị áp dụng HPBS là 628. Trong đó hình phạt tước một số quyền công dân chỉ có khoảng 2-3 lượt bị cáo bị áp dụng trong 01 năm. Còn hình phạt được áp dụng nhiều nhất là quản chế 285 lượt, phạt tiền 268 lượt, cấm cư trú 75 lượt, còn hình phạt khác chỉ áp dụng rất ít.

- Trong những năm 1998 đến 2003, Tòa án tỉnh Ninh Bình đã xét xử 709 vụ án với 1480 bị cáo trong đó có 508 lượt bị cáo bị áp dụng HPBS. Số bị cáo bị áp dụng hình phạt đang nghiên cứu cũng rất ít và chủ yếu là đối với các tội tham ô tài sản, lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản...

- Còn kết quả thống kê hoạt động xét xử từ năm 1995 đến 2004 cho thấy ở Cao Bằng TAND tỉnh đã thụ lý 1368 vụ án với 2118 bị cáo. Có 731 lượt HPBS các loại được áp dụng. Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 6 HPBS được áp dụng, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 644 lượt; quản chế 151 lượt; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 42 lượt; cấm cư trú 04 lượt tịch thu tài sản 4 lượt và tước một số quyền công dân 03 lượt. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 1995 (13 lượt) và năm áp dụng HPBS nhiều nhất là năm 1999 (200 lượt).

- TAND tỉnh Thanh Hóa báo cáo tình hình xét xử hình sự của từ năm 2000 đến 2005 cho biết số vụ án đã xét xử là 2863 vụ với tổng số bị cáo là 5121. Trong đó, số vụ án có áp dụng HPBS là 748 vụ chiếm khoảng 26% tổng số vụ án TAND tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử và có 927 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm 18,1% tổng số bị cáo. Chỉ có 3 loại HPBS được áp dụng, đó là cấm đảm nhiệm chức vụ,

làm những nghề hoặc làm công việc nhất định; quản chế, phạt tiền khi không áp dụng là HPC. Còn các HPBS khác, trong đó có tịch thu tài sản không được Tòa án này áp dụng. Loại HPBS được áp dụng nhiều nhất là phạt tiền 819 lượt, quản chế 110 lượt. Năm 2005 tỷ lệ vụ án có áp dụng HPBS là khoảng 21,5% và tỷ lệ số bị cáo bị áp dụng HPBS là 24%. Đây là năm có số bị cáo bị áp dụng HPBS nhiều nhất

- Theo thống báo thống kê xét xử của TAND thành phố Hà Nội từ năm 1995 đến 2003, có tổng số 8810 bị cáo bị áp dụng HPBS, trong đó có 4833 lượt bị cáo bị phạt tiền; 4698 lượt bị cáo bị phạt quản chế; 324 lượt bị cáo bị tịch thu tài sản; 143 lượt bị cáo bị cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc làm công việc nhất định; 01 lượt bị cáo bị trục xuất. ; 3 lượt bị cáo bị tước một số quyền công dân; 20 bị cáo bị cấm cư trú

Qua số liệu thống kê về HPBS, cho thấy TAND thành phố Hà Nội cũng như các Tòa án khác hình phạt tước một số quyền công dân TAND thành phố Hà Nội áp dụng rất ít, nhưng phổ biến vẫn là áp dụng hình phạt tiền và quản chế.

5. Nhận xét và kiến nghị

Nghiên cứu cho chúng ta biết, HPBS có tác dụng rất lớn góp phần phục hồi nhân phẩm, sự công bằng xã hội, cải tạo giáo dục và đặc biệt là loại bỏ những điều kiện xã hội thuận lợi cho việc tái phạm tội của người bị kết án cùng với tác dụng không nhỏ trong phòng ngừa đối với các cá nhân có lập trường tư tưởng không kiên định trong xã hội. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thường chỉ áp dụng các HPBS khi điều luật về tội phạm có quy định việc áp dụng cách HPBS là chế tài bắt buộc. Trong thực tiễn áp dụng HPBS chỉ quan tâm đến việc quyết định HPC của Hội đồng xét xử nên việc áp dụng các HPBS chưa được quan tâm đúng mức, do thói quen coi nhẹ vai trò của HPBS.

Qua sự thống kê đánh giá quá trình xét xử chúng ta đã thấy việc áp dụng HPBS của TAND các cấp trong những năm qua còn ít cũng có nguyên do từ các quy định của BLHS liên quan tới HPBS. Ngay đối với hình phạt tước một số quyền công dân mà chúng ta đang nghiên cứu cho thấy có sự không thống nhất, hạn chế về lập pháp như sau:

- Trong Bộ luật hình sự hiện hành Điều 39 quy định hình phạt tước một số quyền công dân được áp dụng với công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do BLHS quy định. Thế nhưng trong Phần các tội phạm BLHS chỉ có quy định HPBS này đối với các tội xâm phạm ANQG, còn không có quy định cho các tội phạm khác.

- Bộ luật hình sự quy định các quyền công dân bị tước cũng rất hẹp, chỉ có quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang, trong khi có những quyền khác được Nhà nước quy định như quyền công dân, dân sự, gia đình, nếu không tước các quyền này của người phạm tội trong những trường hợp nhất định sẽ gây nguy hại cho lợi ích không chỉ của nhà nước, xã hội mà còn cho quyền và lợi ích của công dân .

3) Qua nghiên cứu chúng ta đã thấy có sự mâu thuẫn trong quy định của BLHS liên quan tới hình phạt bổ sung Điều 39 Bộ luật hình sự hiện hành quy định: *“Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm ANQG hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền sau đây:...”*. Theo cách quy định này ta có thể hiểu đối với những trường hợp phạm tội mà bị phạt tù thì đương nhiên bị áp dụng loại hình phạt này chứ tòa án nhân dân không được phép tùy nghi áp dụng. Nhưng Điều 92 lại quy định tùy nghi áp dụng loại hình phạt này đối với các tội phạm xâm phạm ANQG.

- Trong BSLH quy định hình phạt tước quyền công dân từ 1 năm đến 5 năm nói chung còn ngắn, không thể hiện được nguyên tắc phân hóa, cá thể hóa hình phạt này đối với những tội phạm khác nhau.

- Việc quy định Các HPBS, trong đó có hình phạt tước một số quyền công dân quy định trong cùng một Điều 92 áp dụng chung đối với tất cả các tội xâm phạm ANQG thể hiện xu hướng đơn giản hóa. Tuy nhiên nó lại thiếu tính hợp lý trong cấu trúc của Phần các tội phạm BLHS, thể hiện ở điều luật quy định riêng về hình phạt quy định về tội phạm cụ thể, đồng thời việc HPBS được quy định chung cho cả nhóm tội phạm sẽ rất khó cho việc phân hóa, và cũng không thuận tiện cho việc áp dụng của Tòa án nhân dân các cấp.

Để nâng cao hiệu quả của hình phạt bổ sung nói chung và hình phạt tước một số quyền công dân nói riêng xin đưa ra một số kiến nghị sau trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015 như sau:

a) Về hình phạt tước một số quyền công dân quy định tại Điều 39 BLHS có thể sửa đổi bổ sung mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn áp dụng loại hình phạt này và được sửa thành Điều 43, trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi:

“1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

a) Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước;

b) Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

b): Tại khoản 5 Điều 57 nên quy định: “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó, thì có thể gây nguy hại cho xã hội.

Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

c) Thay đổi bổ sung Điều 92 cần quy định những hình phạt bổ sung theo hướng cụ thể như hình phạt quyền công dân đối với từng loại tội phạm xâm phạm. Đồng thời quy định cụ thể loại hình phạt này đối với một số tội phạm ở các chương khác trong Phần các tội phạm BTHS. Theo tôi đối với những tội phạm mà điều luật về tội phạm đó có quy định hình phạt quản chế, cấm cư trú thì nên quy định cả hình phạt này để TAND lựa chọn.

D) Ngoài ra, nên bỏ quy định hình phạt này (và cả đối với các loại hình phạt bổ sung khác) ở khoản cuối cùng của điều luật về tội phạm một cách chung chung như hiện nay, vì như thế có những cách hiểu khác nhau hoặc là hiểu hình phạt bổ sung đó chỉ được áp dụng đối với tội phạm ở khung tăng nặng nhất hoặc hiểu là

được áp dụng đối với mọi trường hợp phạm tội cụ thể, dù ở khung giảm nhẹ hay khung tăng nặng nhất. Qua đó người ta hiểu là nó được quy định áp dụng cho tất cả các khung hình phạt trong điều luật về tội phạm ấy. Như vậy thì rõ ràng các nhà làm luật đã chưa có sự phân hóa và cá thể hóa đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể, dẫn đến trong thực tiễn áp dụng sẽ có sự không thống nhất không công bằng. Ví dụ như đối với tội cướp tài sản tại khoản 5 Điều 133 BLHS quy định theo cách: “Người phạm tội theo khoản 1 và 2 của điều luật này sẽ bị tước quyền công dân từ 1 trên 5 năm. Trong trường hợp phạm tội theo khoản 3 và 4 sẽ bị tước quyền công dân từ 5 đến 10 năm”. Tuy nhiên, trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi lần này quy định ở Khoản 5, Điều 164 về tội cướp tài sản “....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.

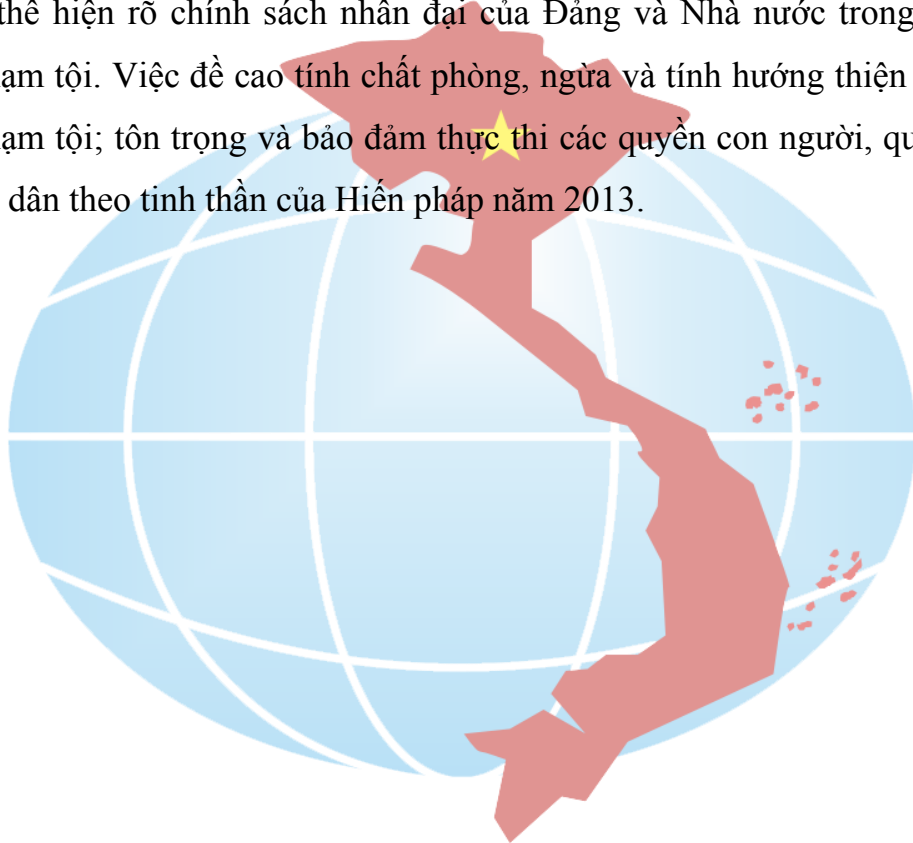
Do vậy, Tòa án nhân dân tối cao cần thiết phải có những văn bản hướng dẫn cụ thể để việc áp dụng hình phạt bổ sung nói chung và hình phạt tước quyền công dân nói riêng được thống nhất trong toàn ngành Tòa án. Việc áp dụng hình phạt bổ sung này đòi hỏi tòa án các cấp cần tạo điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực và trình độ pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, nâng cao sự nhận thức đúng đắn của họ về bản chất, vai trò, ý nghĩa của HPBS trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Việc áp dụng hình phạt bổ sung được coi là cần thiết, nếu hình phạt này có tác dụng ngăn chặn người bị kết án tiếp tục thực hiện tội phạm mới và mục đích giáo dục và tự giáo dục đối với người bị kết án được thúc đẩy. Việc thống nhất trong toàn ngành Tòa án khi quyết định hình phạt phải tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các căn cứ quyết định hình phạt trong luật định, đặc biệt lưu ý kiểm tra đánh giá việc tước quyền công dân có cần thiết hay không dưới góc độ lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Hội đồng xét xử không nên tước quyền công dân một cách chung chung, vì như vậy đối với người phạm tội là trái với nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và không đảm bảo hiệu quả của hình phạt khi thi hành trong thực tiễn. Khi áp

dụng hình phạt này đối với người bị kết án về những tội mà điều luật về tội phạm có quy định hình phạt này (bao gồm cả dạng bắt buộc và tùy nghi) Hội đồng xét xử cần phải tuyên rõ ràng và cụ thể trong bản án là tước quyền công dân gì và thời hạn là bao nhiêu.

Qua nghiên cứu hình phạt tước một số quyền công dân trong Bộ luật hình sự sửa đổi 2015 đã thể hiện được những bước phát triển trong lĩnh vực lập pháp. Đồng thời, đã thể hiện rõ chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý người phạm tội. Việc đề cao tính chất phòng, ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.



TTBD ĐBDC